TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2026/HS-ST Ngày 19-5-2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Tú

Ông Trần Đức Cường

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Nhưỡng - Thư ký Toà án nhân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Đạt, ông Lương Minh Hợp - Kiểm sát viên.Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2026/TLST-HS, ngày 20 tháng 4 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo. Trần Thị Đ, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1974, tại xã L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Tô Thị S (đã chết); chồng là Hoàng Văn N (đã chết), con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án; tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 đến ngày 10/3/2026 chuyển tạm giam tại Phân trại tạm giam L, Trại tạm giam công an tỉnh L đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ: Bà Dương Thị Quỳnh H1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị M, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố H, M, tỉnh Quảng Ninh, có mặt;

2. Ông Bế Văn H2, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu phố H, M, tỉnh Quảng Ninh

vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, Trần Thị Đ và Trần Thị M có mâu thuẫn tranh chấp đối với diện tích đất 9.369 m^2 tại đồi N, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn). Tại Bản án số 280/2022/DS-PT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử đã có hiệu lực pháp luật, xác định gia đình bà Trần Thị M và ông Bế Văn H2 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCNCH00546 ngày 30/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho hộ ông Bế Văn H2. Ngày 22/02/2025, bà Trần Thị M cùng chồng là ông Bế Văn H2 mua khoảng 2.800 (hai nghìn tám trăm) cây Keo con và thuê người trồng hết số cây Keo đã mua tại thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do không đồng ý với kết quả xét xử của Toà án nhân dân các cấp, cho rằng diện tích đất 9.369m^2 là của gia đình mình, sáng ngày 24/02/2025, bị cáo Trần Thị Đ một mình đi bộ từ nhà đến thửa đất tại đồi N, thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn của bà Trần Thị M, dùng tay nhổ toàn bộ số cây keo mà vợ chồng bà Trần Thị M đã trồng ngày 22/02/2025. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bà Trần Thị M đi kiểm tra khu đất thì phát hiện bị cáo Trần Thị Đ đang nhổ các cây keo trên thửa đất của mình, bà Trần Thị M đã sử dụng điện thoại ghi hình lại sự việc và trình báo Công an xã L về hành vi hủy hoại tài sản của bà Trần Thị Đ. Tại biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc ngày 11/3/2025 của Công an xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là Công an xã L, tỉnh Lạng Sơn) xác định: Tổng số cây keo bị nhổ là 2.150 (hai nghìn một trăm năm mươi) cây, tình trạng cây khô héo, cây có chiều dài từ 30 – 35 cm, kích thước bầu: 10 – 12 cm.

Tài liệu, đồ vật thu giữ: 07 (bảy) cây Keo còn nguyên bầu, tình trạng đã chết khô, có dấu hiệu bị mục, dễ gãy, giòn, chiều dài cả thân và bầu từ 35 - 55 cm, túi bầu bằng ni lông màu đen;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS, ngày 15/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng xã L kết luận: Giá trị của 2.150 (hai nghìn một trăm năm mươi) cây Keo hom tại thời điểm tháng 2/2025 là: 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định số 123/KL-KTHS, ngày 16/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận video có độ dài là 01 phút 54 giây, do bà Trần Thị Minh G bằng điện thoại di động khi phát hiện bà Trần Thị Đ đang ở trên khu đồi của gia đình mình ngày 24/02/2025: Tập tin Video gửi giám định không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Trần Thị M và ông Bế Văn H2 yêu cầu bị cáo Trần Thị Đ bồi thường 10.240.000 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), bị cáo Trần Thị Đ không nhất trí và chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSLB, ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị Đ về tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo Trần Thị Đ thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố không oan.

Bị hại bà Trần Thị M trình bày tại phiên tòa: Vợ chồng bà có thửa đất đồi số 738, tờ bản đồ số 03 bản đổ địa chính xã S, huyện L cũ, có tên gọi là Đồi Nà V, thuộc thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L tỉnh Lạng Sơn). Thửa đất nêu trên Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG842870 ngày 30/5/2017, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: số CH00546, mang tên hộ ông Bế Văn H2. Tháng 7/2017 bà Trần Thị Đ có hành vi tự ý đến cạo nhựa thông, dùng dao dóc vỏ cây thông tranh chấp đất với gia đình bà, sự việc này bà khởi kiện ra Tòa án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tại Bản án số: 208/2022/DSPT đã có hiệu lực. Tháng 01/2025 gia đình bà khai thác gỗ toàn bộ thông, ngày 22/02/2025 gia đình bà đã thuê người trồng 2800 (hai nghìn tám trăm cây keo) loại cây keo hom, có kích thước bầu khoảng 10cm - 12cm chiều dài cây khoảng 30cm -35cm, trồng trên toàn bộ cây trên đồi, đến khoảng 12h10 ngày 24/02/2025 bà trực tiếp lên kiểm tra tại đồi, bà phát hiện bà Trần Thị Đ đang nhổ cây keo của bà, bà hỏi lý do tại sao lại nhổ cây keo thì bà Trần Thị Đ luôn mồm nói và khẳng định đây là đất đồi của nhà bà nên bà nhổ cây không cho phép ai trồng, việc bà Trần Thị Đ đang nhổ cây keo trên đồi bà Trần Thị M có quay video xong đi về và đi báo cơ quan chức năng để giải quyết. Quá trình điều tra bà yêu cầu Trần Thị Đ bồi thường số cây keo bị thiệt hại tổng số tiền là 10.240.000 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), gồm tiền mua giống cây, thuê công nhân trồng, tiền vận chuyển cây. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị M yêu cầu Trần Thị Đ phải bồi thường cho bà theo Kết quả định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS, ngày 15/01/2026 số tiền là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của bị hại là 32.250.000 đồng.

Tại cơ quan điều bị hại ông Bế Văn H2 trình bày đúng như lời khai của bà Trần Thị M và yêu cầu bà Trần Thị Đ phải thanh toán các chi phí mà vợ chồng

ông đã chi trong việc trồng cây Keo tổng số tiền là 10.240.000 đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội Hủy hoại tài sản; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Đ từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Biên bản xác minh bị cáo đứng tên chủ sở hữu đất ruộng, vườn. Tuy nhiên bị cáo không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Tại phiên tòa bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo Trần Thị Đ phải bồi thường số tiền là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo kết quả định giá tài sản; ngày 13/5/2026 và ngày 19/5/2026 bị cáo đã tác động gia đình đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn tổng số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) để khắc phục hậu quả, nay bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền là 24.250.000 đồng (hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: 07 (bảy) cây Keo còn nguyên bầu, tình trạng đã chết khô, có dấu hiệu bị mục, dễ gãy, giòn, chiều dài cả thân và bầu từ 35 - 55 cm, túi bầu bằng ni lông màu đen vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Đ nhất trí với tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai với bị hại nay lại thấy bị hại trồng cây Keo trên đất nên bị cáo đã không kiềm chế được bản thân nên đã nhổ cây Keo của bị hại, do nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, gia đình bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, bị cáo không có điện thoại thông minh để nghe, sử dụng...., tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã nộp một khoản tiền để khắc phục hậu quả, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng mức hình phạt cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát

Về án phí: Đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí có giá ngạch cho bị cáo vì gia đình thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn.

Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật rất mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để kiếm tiền trả cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại ông Bế Văn H2 có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, ông Bế Văn H2 đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và đã ủy quyền cho bà Trần Thị M, việc vắng mặt của ông Bế Văn H2 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, Kết luận của Hội đồng định giá tài sản, Bản kết luận giám định số 123/KL-KTHS, ngày 16/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 24/02/2025, tại đồi N, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn), Trần Thị Đ đã có hành vi huỷ hoại tài sản nhổ 2.150 cây keo của gia đình bà Trần Thị M và ông Bế Văn H2 trồng lên khỏi hố làm cây bị chết, theo Kết quả định giá trị tài sản trong tố tụng Hình sự, tài sản bị thiệt hại có giá trị là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Với hành vi trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi nhổ cây Keo lên khỏi hố cây bị chết, thì gây thiệt hại về tài sản cho người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì

mâu thuẫn trong việc giải quyết tranh chấp đất đai nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý theo quy định của pháp luật mới đảm bảo tính nghiêm minh đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trước khi phạm tội bị cáo chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật là người có nhân thân tốt. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngày 13/5/2026 và ngày 19/5/2026 bị cáo đã tác động gia đình nộp được một khoản tiền tại Phòng thi hành án dân sự để khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có đóng góp thiện nguyện tại UBND xã L, tỉnh Lạng Sơn (có xác nhận), là hộ cận nghèo năm 2026 nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Hình phạt chính: Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đồng thời giáo dục, răm đe và phòng ngừa chung. Nhưng xét về hành vi phạm tội của bị cáo gây ra phần nào do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, suy nghĩ nông cạn, bị cáo chưa nhất trí với kết quả xét xử của Tòa án các cấp mà bà Trần Thị M đã trồng cây trên đất, khi sự việc xảy ra tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục được một phần hậu quả, gia đình bị cáo là hộ cận nghèo năm 2026. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật, không vi phạm các điều cấm của pháp luật, có nơi cư trú, cụ thể rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo nếu không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo chưa cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo cải tạo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 178 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng…..". Theo biên bản xác minh về đất đai, tài sản bị cáo Trần Thị Đ thể hiện bị cáo có tài sản là ruộng, vườn. Tại phiên tòa bị cáo trình bày bị cáo làm nông dân, không có thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ cận nghèo, ruộng vườn là để

phục vụ cho cuộc sống của gia đình do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại cơ quan điều tra bà Trần Thị M, ông Bế Văn H2 yêu cầu bị cáo Trần Thị Đ phải bồi thường các khoản chi phí thực tế phát sinh bà đã chi, tổng số là 10.240.000đồng (mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), tuy nhiên phiên tòa bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo Trần Thị Đ phải bồi thường thiệt hại theo kết quả của Hội đồng định giá tài sản số tiền là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị M về mức bồi thường; ngày 13/5/2026 và ngày 19/5/2026 bị cáo tác động gia đình nộp số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn để khắc phục một phần hậu quả. Nay bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 24.250.000 đồng (hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: 07 (bảy) cây Keo còn nguyên bầu, tình trạng đã chết khô, có dấu hiệu bị mục, dễ gãy, giòn, chiều dài cả thân và bầu từ 35 - 55 cm, túi bầu bằng ni lông màu đen không có giá trị sử dụng; căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị cáo Trần Thị Đ là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo có đơn xin miễn tiền án phí dân sự có giá ngạch và án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn đề nghị mức hình phạt và các nội dung khác đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Xét thấy ý kiến của Trợ giúp pháp viên bào chữa cho bị cáo phần nào phù hợp thì Hội đồng xét xử chấp nhận, phần nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 280; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 588, 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đ phạm tội Hủy hoại tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị Đ 07 (bẩy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 19/5/2026. T1 trả tự do cho bị cáo sau khi kết thúc phiên tòa.

Giao bị cáo Trần Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn và gia đình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân xã L để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm bồi thường: Buộc bị cáo Trần Thị Đ phải bồi thường cho bà Trần Thị M, ông Bế Văn H số tiền là 32.250.000 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), gia đình bị cáo đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn số tiền là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Nay bị cáo tiếp tục phải bồi thường số tiền là 24.250.000 đồng (hai mươi tư triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Trần Thị M và ông Bế Văn H2. 4. Về lãi chậm trảKể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải bồi thường, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. 5. Về xử lý vật chứng

Tịch thu tiêu hủy 07 (bảy) cây Keo còn nguyên bầu, tình trạng đã chết khô, có dấu hiệu bị mục, dễ gãy, giòn, chiều dài cả thân và bầu từ 35 - 55 cm, túi bầu bằng ni lông màu đen không có giá trị.

(*Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn, theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ghi ngày 19 tháng 4 năm 2026).*

6. Về án phí: Bị cáo Trần Thị Đ được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 -Lạng Sơn;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Thi THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam khu vực L, trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; các bị hại; Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Ngọc